

Số: 1015/TĐC - HCHQ

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2020

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 (thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

Địa chỉ trụ sở: Số 49 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.38294274

Fax: 028.38293012

Email: qt-tonghop@quatest3.com.vn/info@quatest3.com.vn

Địa chỉ nơi thử nghiệm:

a) Khu Thử nghiệm Biên Hòa:

Số 7 Đường số 1, khu Công nghiệp Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251.3836212

Fax: 0251.3836298

Email: tn-cskh@quatest3.com.vn

b) Khu Văn phòng và Phòng Thí nghiệm:

Lô C5, Đường K1, KCN Cát Lái, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.382 942 74

Fax: 028.382 930 12

Email: qt-tonghop@quatest3.com.vn

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực: **Hóa; Sinh; Vật liệu xây dựng.**

(Danh mục sản phẩm, hàng hóa, phép thử, tiêu chuẩn và phương pháp thử nghiệm theo Phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này).

2. Số đăng ký: 77/TN - TĐC.

3. Giấy chứng nhận được cấp lần bốn mươi sáu (46) và có hiệu lực đến ngày 10 tháng 10 năm 2022 kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn
Đo lường Chất lượng 3;
- Bộ KH-CN (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ

T. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Linh



Phụ lục

**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VÀ CÁC PHÉP THỬ
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số 1075 /TĐC-HCHQ ngày 14 / 4/2020
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

STT	Tên sản phẩm/Tên phép thử	Tiêu chuẩn thử nghiệm/Phương pháp thử nghiệm/Quy trình thử nghiệm
I	LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM HÓA	
	Phụ gia thực phẩm	
1	Nhận biết kẽm (Zn) trong mẫu phụ gia thực phẩm có chứa kẽm	FAO JECFA Monographs 1 – Vol. 4 – Identification test
2	Xác định pH	TCVN 7764-1:2007
3	Xác định tỷ trọng	ASTM D 4052-09 TCVN 7764-1:2007
4	Xác định chỉ số khúc xạ	FAO JECFA monograph 1, Vol 4, 2006 – Refractive index
5	Xác định hàm lượng mất khi sấy	FAO JECFA monograph 1, Vol 4, 2006 – Loss on drying
6	Hàm lượng mất khi nung	FAO JECFA Monographs 1 – Vol. 4 – Loss on ignition
7	Xác định hàm lượng tro tổng	FAO JECFA monograph 1, Vol 4, 2006 – Total ash
8	Xác định hàm lượng tro sulphate	FAO JECFA monograph 1, Vol 4, 2006 – Sulphate ash
9	Xác định hàm lượng tro không tan trong acid	FAO JECFA monograph 1, Vol 4, 2006 – Acid insoluble ash
10	Xác định hàm lượng cặn không bay hơi	FAO JECFA monograph 1, Vol 4, 2006 – Non-volatile residue
11	Hàm lượng Nitơ tổng (phương pháp 2)	FAO JECFA Monographs 1 – Vol. 4 – Nitrogen determination
12	Giới hạn sulphate (SO_4^{2-})	FAO JECFA monograph 1, Vol 4, 2006 – Sulphate limit test
13	Xác định hàm lượng P_2O_5	FAO JECFA monograph 1, Vol 4, 2006 – Phosphate of determination of P_2O_5 , method II
14	Xác định hàm lượng nước theo phương pháp Karl Fischer	TCVN 8900-1:2012 FAO JECFA monograph 1, vol 4, 2006 – Water determination (Karl-fischer titrimetric method)
15	Hàm lượng fluoride	FAO JECFA monograph 1, vol 4, 2006 – Fluoride limit test



	Phụ gia thực phẩm - Kali hydroxit	
52	Xác định hàm lượng kali cacbonat	QCVN 4-11:2010/BYT - Phụ lục 26
53	Định tính chất không tan trong nước	QCVN 4-11:2010/BYT - Phụ lục 26
	Phụ gia thực phẩm - Glucono delta lactone	
54	Xác định hàm lượng glucono delta lactone	QCVN 4-11:2010/BYT - Phụ lục 31
	Phụ gia thực phẩm - Sodium benzoate	
55	Xác định hàm lượng sodium benzoate	QCVN 4-12:2010/BYT - Phụ lục 5
	Phụ gia thực phẩm - Acid propionic	
56	Xác định hàm lượng acid propionic (CH ₃ CH ₂ COOH)	QCVN 4-12:2010/BYT Phụ lục 19
	Phụ gia thực phẩm - Dikali hydrogen photphat	
57	Xác định hàm lượng dikali hydrogen photphat	QCVN 4-13:2011/BYT - Phụ lục 5
	LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM HÓA (THỰC PHẨM)	
	Dầu mỡ và sản phẩm dầu mỡ	
58	Xác định hàm lượng tạp chất không tan	TCVN 6125:2010
	LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM HÓA (MÔI TRƯỜNG)	
	Dung dịch sát khuẩn, nước anolyte/ nước ozon	
59	Hàm lượng Chlorine	ASTM D2022-86 (2008)
II	LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM VI SINH	
	Phân tích vi sinh trong không khí trên môi trường nuôi cấy	
60	Tổng số vi sinh vật hiếu khí TSA ủ (30-35)°C/ (48 -72)h	USP 42 <797> Environmental viable airborne particle testing programe
61	Tổng số nấm nem, nấm mốc Malt extract agar/ SDCA/ DG18 ủ (26- 30)°C/ (6- 7) d	
III	LĨNH VỰC THỬ NGHIỆM XÂY DỰNG	
	Ván - Ván gỗ nhân tạo (ván dăm, ván ép, MDF, HDF)	
62	Hàm lượng formaldehyde	JIS A 1460 : 2015

	Vật liệu chống thấm cho bê tông không ở dạng tấm trải	
63	Độ thấm nước của màng khô	TCVN 8652 : 2012 JIS K 5400 : 1990
	Tấm lợp amiăng - xi măng	
64	Kích thước	GOST 2850 : 1995
65	Ngoại quan	GOST 2850 : 1995
66	Khối lượng thể tích	GOST 2850 : 1995
67	Cường độ chịu kéo	GOST 2850 : 1995
68	Mất khi nung	GOST 2850 : 1995
69	Độ ẩm	GOST 2850 : 1995
70	Khả năng chống cháy	GOST 2850 : 1995
	Block thạch cao	
71	Độ cứng bề mặt (shore C)	BS EN 12859 : 2011
	Thạch cao	
72	Thành phần hạt	BS EN 13963 : 2014
	Bê tông nhẹ, Gạch bê tông khí chưng áp	
73	Cường độ nén	TCVN 12302 : 2018
74	Khối lượng thể tích khô	TCVN 12302 : 2018
	Đất sét, Đất sét để sản xuất gạch - ngói	
75	Hàm lượng cặn không tan	TCVN 141 : 2008
	Nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng	
76	Hàm lượng cặn không tan	TCVN 141 : 2008
	Xi măng	
77	Hàm lượng C ₃ S	TCVN 6067 : 1995 ASTM C 150 - 17
78	Hàm lượng C ₂ S	TCVN 6067 : 1995 ASTM C 150 - 17

Ghi chú:

- Đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng điều chỉnh của các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, các văn bản quy phạm pháp luật do các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành để quản lý chất lượng sản phẩm, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 phải tuân thủ các quy định của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành trước khi thực hiện./.





